

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 24-6-2019
V/v tranh chấp “Chia tài sản chung
sau ly hôn và yêu cầu thay đổi người
trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Chia tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 177/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu V, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Đào Thanh L, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn D, sinh năm 1929 (Có mặt).

+ Chị Mai Thị Tuyết N, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Võ Thị S, sinh năm 1948 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Lê Thị Ba N1, sinh năm 1959.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1958 (Có mặt). Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Võ Thị Hồng V1, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Đào Thanh L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hồng V1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ba N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn chị Trần Thị Thu V trình bày:

Vào năm 2014, chị Trần Thị Thu V và anh Đào Thanh L ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 277/2014/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện G. Nay chị V yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về con chung: Chị V với anh L có 02 con chung tên là Đào Thanh T1, sinh ngày 23/10/1998 và Đào Thị Thanh H, sinh ngày 14/5/2003. Sau khi ly hôn anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu T1. Nay cháu T1 đã thành niên, chị V yêu cầu anh L giao cháu H lại cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật; chị V không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian còn sống chung, chị V với anh L có tài sản chung gồm:

+ Diện tích đất 3.010,6m², thửa đất số 309, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03070 ngày 10/10/2011 và diện tích đất 2.306,1m², thửa đất số 291, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03071 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Phần đất diện tích 3.010,6m², thửa 309 anh L đang quản lý, sử dụng. Phần đất diện tích 2.306,1m², thửa 291, anh L đã tự chuyển nhượng cho chị Võ Thị Hồng V1, nhưng chị Trần Thị Thu V không đồng ý. Nay chị V yêu cầu được nhận diện tích đất 3.010,6m²; giao cho anh L diện tích đất

2.306,1m², chị V không hoàn lại giá trị đất chênh lệch cho anh L do cá nhân chị V có tự bỏ ra 1,2 lượng vàng 24kr để mua phần đất diện tích 2.306,1m², nay cần trừ lại. Phần đất diện tích 2.306,1m² anh L tự ý chuyển nhượng cho chị Hồng V1 để anh L với chị Hồng V1 tự giải quyết. Chị V không đồng ý chuyển nhượng đất hay trả tiền cho chị Hồng V1.

+ 01 căn nhà cấp 4 bán kiên cố; 02 hồ nước tròn; 01 chuồng trại (chuồng nuôi bò) cất trên đất của bà Võ Thị S (mẹ ruột anh L), tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và các tài sản khác gồm: 01 tủ gỗ (loại để quần áo), 01 tủ gỗ có gắn kính (loại có ngăn để ti vi), 01 cái bàn gỗ mặt xi măng (bàn tròn); 01 máy bơm hiệu Dongfeng và giàn sắt gắn máy bơm. Hiện nay các tài sản trên do anh L quản lý. Nay chị V yêu cầu nhận 01 tủ gỗ có gắn kính; 01 cái bàn gỗ mặt xi măng (bàn tròn), 01 máy bơm hiệu Dongfeng và giàn sắt gắn máy bơm; giao cho anh L 01 căn nhà cấp 4 bán kiên cố; 02 hồ nước tròn; 01 chuồng trại (chuồng nuôi bò); 01 cái tủ gỗ (loại để quần áo). Đồng thời yêu cầu hoàn lại giá trị chênh lệch tài sản được chia.

Chị V yêu cầu chia tài sản chung ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Chị V và anh L có mượn của ông Trần Văn D (nội ruột chị V) 02 chỉ vàng 24kr, hiện nay chưa trả. Chị V yêu cầu chị V và anh L mỗi người trả cho ông D 01 chỉ vàng 24 kr ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị V không đồng ý trả ½ số tiền nợ cho bà Ba N1 như yêu cầu của anh L, vì không phải nợ chung, anh L có trách nhiệm trả nợ cho bà Ba N1.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Đào Thanh L trình bày:

Vào năm 2014, anh L và chị Trần Thị Thu V ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 277/2014/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện G, đã giải quyết về con chung, nhưng chưa phân chia tài sản chung và nợ chung.

- Về con chung: Anh L với chị V có 02 con chung tên là Đào Thanh T1, sinh ngày 23/10/1998 và Đào Thị Thanh H, sinh ngày 14/5/2003. Sau khi ly hôn anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu H. Cháu T1 nay đã thành niên; cháu H hiện nay đang sống chung với anh L. Nay cháu H có nguyện vọng sống chung với anh L hay chị V tùy nguyện vọng của cháu H; không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian còn sống chung, anh L với chị V có tài sản chung gồm:

- Phần đất diện tích 3.010,6m², thửa đất số 309, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03070 ngày 10/10/2011 và diện tích đất 2.306,1m², thửa đất số 291, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03071 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho

anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Anh L yêu cầu chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất đối với hai thửa đất nêu trên; đồng thời yêu cầu chị V thực hiện thủ tục chuyển nhượng đất cho chị Võ Thị Hồng V1 diện tích đất 2.306,1m² ngay khi được phân chia, vì chị Hồng V1 đã trả số tiền nợ 102.000.000 đồng mà anh L và chị V vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện G-Phòng giao dịch L2, nên anh L đã chuyển nhượng diện tích đất 2.306,1m² cho chị Hồng V1 để trừ nợ, hiện nay chị Hồng V1 đang sử dụng đất. Chị V không thực hiện thủ tục chuyển nhượng đất cho chị Hồng V1 thì yêu cầu chị V1 cùng với anh L trả tiền lại cho chị Hồng V1. Anh L không đồng ý chia bộ diện tích 3.010,6m², thửa đất số 309 cho chị V.

- 01 căn nhà cấp 4 bán kiên cố; 02 hồ nước tròn; 01 chuồng trại (chuồng nuôi bò) cất trên đất của bà Võ Thị S (mẹ anh L), tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và 01 tủ gỗ (loại để quần áo), 01 tủ gỗ có gắn kính (loại có ngăn để ti vi), 01 cái bàn gỗ mặt xi măng (bàn tròn), 01 máy bơm hiệu Dongfeng và giàn sắt gắn máy bơm. Anh L yêu cầu nhận 01 máy bơm hiệu Dongfeng và giàn sắt gắn máy bơm, các tài sản còn lại anh L không nhận, giao cho chị V.

Anh L yêu cầu chia tài sản chung ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về nợ chung: Anh L và chị V có mượn của ông Trần Văn D (ông nội ruột chị V) 02 chỉ vàng 24kr, hiện nay chưa trả. Anh L đồng ý anh L và chị V mỗi người trả cho ông D 01 chỉ vàng 24 kr ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về số tiền nợ mua phân, thuốc bảo vệ thực vật tại đại lý của bà Lê Thị Ba N1 47.187.000 đồng, anh L yêu cầu chị V và anh L mỗi người trả cho bà Ba N1 $\frac{1}{2}$ số tiền nợ nêu trên.

Ngoài ra, anh L không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày:

Anh L và chị V có mượn của ông D 02 chỉ vàng 24 kr, hiện nay chưa trả. Ông D yêu cầu chị V và anh L mỗi người trả cho ông D 01 chỉ vàng 24 kr ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt, nhưng theo bản tự khai ngày 17/4/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2019, chị N trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2012, anh L và chị V có mượn của chị N số tiền 5.000.000 đồng, nay chưa trả tiền cho chị N. Chị N không yêu cầu giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có tranh chấp với anh L và chị V, chị N yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, chị N không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S có đơn xin vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2019, bà S trình bày:

Anh L và chị V có cất 01 căn nhà cấp 4; 02 hồ nước tròn; 01 chuồng trại nuôi bò trên đất của bà S. Nay, bà S không có tranh chấp gì về việc chị V và anh L phân chia tài sản chung; bà S không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ba N1 có đơn xin vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2018, bà Ba N1 trình bày:

Trước đây, anh L và chị V có mua phân thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của bà Ba N1, tính đến nay còn nợ số tiền vốn và lãi là 47.187.000 đồng. Anh L là người ký nhận nợ mua bán. Nay bà Ba N1 không khởi kiện, yêu cầu gì trong vụ án này; nếu anh L không trả nợ, bà Ba N1 khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hồng V1 có đơn xin vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2018 và ngày 08/01/2019, chị Hồng V1 trình bày:

Vào năm 2014, chị Hồng V1 có trả nợ vay Ngân hàng cho anh L số tiền 102.000.000 đồng; anh L có chuyển nhượng cho chị Hồng V1 diện tích 2.306,1m², thửa đất số 291. Anh L giao diện tích đất 2.306,1m² cho chị Hồng V1 sử dụng và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03070 ngày 10/10/2011 và số CH03071 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V cho chị Hồng V1 giữ. Nay việc tranh chấp chia tài sản chung giữa chị Thu V với anh L, chị Hồng V1 không có ý kiến; để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu anh L không chuyển nhượng đất cho chị Hồng V1 thì anh L phải trả lại cho chị Hồng V1 giá trị quyền sử dụng đất theo giá chuyển nhượng thực tế hiện nay, chị Hồng V1 trả lại đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho anh L. Tuy nhiên, chị Hồng V1 không khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp thì yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra chị Hồng V1 không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 59, 81, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu V về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Việc nuôi con chung là cháu Đào Thị Thanh H, sinh ngày 14/5/2013 của anh L và chị V được tiếp tục thực hiện theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 277/2014/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện G.

2. Về tài sản chung:

- Chia cho chị Trần Thị Thu V được quyền sử dụng diện tích đất 1.505,4 m², một phần thửa đất số 309, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03070 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Hồ Văn V2;
- + Tây giáp đất chia cho anh Đào Thanh L.
- + Nam giáp đất anh Đào Thanh L.
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H1.

- Chia cho anh Đào Thanh L được quyền sử dụng diện tích đất 1.505,2m², một phần thửa đất số 309, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03070 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất chia cho chị Trần Thị Thu V.
- + Tây giáp đất chị Đào Thị Thanh H2, ông Nguyễn Văn H1, anh Đào Thanh L.
- + Nam giáp đất anh Đào Thanh L.
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H1.

- Chia cho chị Trần Thị Thu V được quyền sử dụng diện tích đất 1.153,0 m², một phần thửa đất số 291, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03071 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất chia cho anh Đào Thanh L
- + Tây giáp đất chị Đào Thị Thanh H2.
- + Nam giáp đất chị Đào Thị Thanh H2.
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H1.

- Chia cho anh Đào Thanh L được quyền sử dụng diện tích đất 1.153,1m², một phần thửa đất số 291, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03071 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H1 và anh Đào Thanh L.
- + Tây giáp đất chia cho chị Trần Thị Thu V.
- + Nam giáp đất chia cho chị Trần Thị Thu V.
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H1.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

Chị V và anh L liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Thị Thu V được quyền sở hữu 01 cái tủ gỗ có gắn kính (loại có ngăn để ti vi) và 01 cái bàn gỗ, mặt xi măng (bàn tròn).

- Anh Đào Thanh L được quyền sở hữu nhà cấp 4 bán kiên cố (mã hiệu BKCA3, cột bê tông, vách lá, đòn tay gỗ, mái tôn xi măng, nền đất); 01 chuồng trại (cột xi măng, vách tường, đòn tay kèo gỗ tạp, mái thiết, nền xi măng); 02 hồ nước tròn, tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; 01 cái tủ gỗ (loại để quần áo); 01 máy bơm nước hiệu Dong Feng và giàn sắt gắn máy bơm.

Buộc anh Đào Thanh L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Trần Thị Thu V giá trị chênh lệch tài sản được chia số tiền 14.947.100 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm đồng*).

Chị V và anh L thực hiện việc phân chia quyền sử dụng đất; tài sản và trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về nợ chung:

- Ghi nhận chị Trần Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D 01 (một) chỉ vàng 24kr ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận anh Đào Thanh L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D 01 (một) chỉ vàng 24kr ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 27/02/2019, anh Đào Thanh L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang hủy bản án sơ thẩm số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, lý do bản án sơ thẩm không giải quyết nợ chung của vợ chồng.

Ngày 27/02/2019, chị Võ Thị Hồng V1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang hủy bản án sơ thẩm số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, lý do chị yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/3/2014, buộc ông L và bà V phải chuyển nhượng lại cho chị phần đất có diện tích 2.200m² thuộc một phần đất thuộc thửa 291, tờ bản đồ số 20, tại ấp A, xã T, huyện G mà chị đã mua của ông L và bà V. Nếu ông L và bà V không thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì đề nghị ông L và bà Thu V liên đới trả lại chị số tiền 102.000.000 đồng.

Ngày 04/3/2019, bà Lê Thị Ba N1 có đơn kháng cáo yêu cầu buộc anh L và chị V trả cho bà số tiền 47.183.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Đào Thanh L rút một phần yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hồng V1, ông Nguyễn Thành L1 là đại diện ủy quyền của bà Lê Thị Ba N1 rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của mình. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đào Thanh L, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Hồng V1, bà Lê Thị Ba N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Mai Thị Tuyết N vắng mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Trần Thị Thu V khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là có căn cứ đúng quy định tại Điều 59, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Trần Thị Thu V với bị đơn anh Đào Thanh L là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: đơn kháng cáo của anh Đào Thanh L, chị Võ Thị Hồng V1, bà Lê Thị Ba N1 đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hồng V1, ông Nguyễn Thành L1 là đại diện ủy quyền của bà Lê Thị Ba N1 rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của mình, xét việc rút yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Hồng V1 và bà Ba N1 là có căn cứ đúng quy định tại Điều 289, 312 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đào Thanh L, tại phiên tòa phúc thẩm anh L rút lại một phần yêu cầu kháng cáo về việc xem xét số tiền nợ chung 47.187.000 đồng của bà Ba N1, chỉ yêu cầu kháng cáo đối với việc chuyển nhượng phần đất diện tích 2.200m² thuộc một phần đất thuộc thửa 291, tờ bản đồ số 20, tại ấp A, xã T, huyện G cho chị Võ Thị Hồng V1 yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng trên. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo của anh L là có căn cứ đúng quy định tại Điều 289, 312 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh L đối với việc chuyển nhượng phần đất diện tích 2.200m² thuộc một phần đất thuộc thửa 291, tờ bản đồ số 20, tại ấp A, xã T, huyện G cho chị Võ Thị Hồng V1 yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Trần Thị Thu V và anh Đào Thanh L cùng trình bày thống nhất, trong thời kỳ chung sống vợ chồng vào năm 2014 vợ chồng anh chị có vay hai hợp đồng tín dụng ngày 14/01/2013 và ngày 09/01/2013 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện G- Phòng giao dịch L2 số tiền 100.000.000 đồng. Đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ chung. Chị Thu V thừa nhận chị không có trả ½ số nợ trên mà do anh L là người trả số nợ trên, nguồn tiền trả nợ chị Thu V thống nhất là do anh L bán phần diện tích đất 2.200m² cho chị Hồng V1 để trả nợ cho ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, nên cấp sơ thẩm mới giải quyết chia phần tài sản trên. Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh L đối với số tiền nợ 100.000.000

đồng là nợ chung của vợ chồng, chị Thu V phải có nghĩa vụ đối với $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, số tiền 100.000.000 đồng nợ Ngân hàng, chị Hồng V1 đứng ra trả cho Ngân hàng để chuyển nhượng phần diện tích 2.200m² thuộc một phần đất thuộc thửa 291, tờ bản đồ số 20 và hiện đang quản lý sử dụng chưa có yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh L và chị Hồng V1, mà sẽ khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng bằng một vụ án khác, nên yêu cầu kháng cáo của anh L đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh L và chị Hồng V1 sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, tài sản chung của chị V và anh L đã được xác định theo biên bản thẩm định tài sản ngày 19/7/2018 và biên bản định giá tài sản ngày 19/7/2018, gồm có: Thửa đất 309, diện tích 3.010,6m², giá trị 105.371.000 đồng; thửa 291, diện tích 2.306,1m², trị giá 69.183.000 đồng; 01 căn nhà cấp 4 bán kiên cố (mã hiệu BKCA3, cột bê tông, vách lá, đòn tay gỗ, mái tôn xi măng, nền đất) trị giá 27.580.000 đồng; 01 chuồng trại nuôi bò (cột xi măng, vách tường, đòn tay kèo gỗ tạp, mái thiết, nền xi măng) trị giá 614.200 đồng; 02 hồ nước tròn trị giá 1.150.000 đồng; 01 tủ gỗ có gắn kính (loại có ngăn để ti vi) trị giá 1.400.000 đồng; 01 tủ gỗ (loại để quần áo) trị giá 950.000 đồng; 01 bàn gỗ mặt xi măng (bàn tròn) trị giá 650.000 đồng; 01 máy bơm nước hiệu Dong Feng và giàn sắt gắn máy bơm trị giá 1.650.000 đồng. Hiện nay thửa 291, diện tích 2.306,1m² anh L đã chuyển nhượng cho chị Võ Thị Hồng V1 bằng giấy tay. Thửa đất 309, diện tích 3.010,6m² và các tài sản còn lại anh L đang quản lý.

- Về quyền sử dụng đất:

Xét chị V yêu cầu được chia toàn bộ thửa đất 309, diện tích 3.010,6m²; giao cho anh L thửa đất 291, diện tích 2.306,1m² là có cơ sở một phần. Bởi lẽ, chị V và anh L thừa nhận hai phần diện tích đất nêu trên là tài sản chung của chị V và anh L. Việc chị V yêu cầu được chia diện tích 3.010,6m², không hoàn lại cho anh L giá trị đất chênh lệch. Chị V cho rằng cá nhân chị đã bỏ ra 1,2 lượng vàng để mua diện tích đất 2.306,1m², nên cần trừ lại, không hoàn lại giá trị đất chênh lệch cho anh L, nhưng chị V không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của chị V; anh L không đồng ý. Do đó, cần phân chia cho chị V và anh L mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất đối với hai thửa đất nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời chị V và anh L không xác định vị trí đất được chia, nên Hội đồng xét xử xác định vị trí đất hợp lý chia cho chị V và anh L để các bên thuận lợi cho việc canh tác, sử dụng đất sau này. Thực hiện việc chia quyền sử dụng đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Các tài sản khác:

+ Xét chị V yêu cầu nhận 01 tủ gỗ có gắn kính (loại có ngăn để ti vi) và 01 bàn gỗ mặt xi măng (bàn tròn); anh L đồng ý, nên giao cho chị V sở hữu.

+ Xét chị V yêu cầu nhận 01 máy bơm nước hiệu Dong Feng và giàn sắt gắn máy bơm là không có cơ sở; bởi lẽ anh L hiện nay đang sử dụng máy bơm nước để canh tác trồng lúa; phía chị V yêu cầu nhận máy bơm, nhưng chị V không sử dụng vào mục đích gì, nên cần giao máy bơm nước trên cho anh L sở hữu, sử dụng là phù hợp.

+ Xét chị V giao cho anh L sở hữu 01 căn nhà cấp 4 bán kiên cố (mã hiệu BKCA3, cột bê tông, vách lá, đòn tay gỗ, mái tôn xi măng, nền đất); 01 chuồng trại (cột xi măng, vách tường, đòn tay kèo gỗ tạp, mái thiết, nền xi măng); 02 hồ nước tròn; 01 cái tủ gỗ (loại để quần áo) là có cơ sở; bởi lẽ chị V và anh L thừa nhận là đều tài sản chung, phía anh L không nhận tài sản; tuy nhiên xét các tài sản trên hiện nay đang tọa lạc trên đất của bà Võ Thị S (mẹ ruột anh L), đồng thời anh L đang quản lý tài sản, nên chị V giao các tài sản này cho anh L quản lý, sở hữu là phù hợp.

Xét chị V nhận các tài sản có tổng giá trị là 2.050.000 đồng; anh L nhận các tài sản có tổng giá trị là 31.944.200 đồng. Nên cần buộc anh L hoàn trả lại cho chị V giá trị tài sản chênh lệch số tiền là 14.947.100 đồng.

Thực hiện chia tài sản và trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Án sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung của anh L, chị V là có căn cứ đúng quy định. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí anh L phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, 289, 312 khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 59, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Hồng V1, bà Lê Thị Ba N1 và một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đào Thanh L.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đào Thanh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu V về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Việc nuôi con chung là cháu Đào Thị Thanh H, sinh ngày 14/5/2013 của anh L và chị V được tiếp tục thực hiện theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 277/2014/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện G.

2. Về tài sản chung:

- Chia cho chị Trần Thị Thu V được quyền sử dụng diện tích đất 1.505,4 m², một phần thửa đất số 309, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03070 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Hồ Văn V2.
- + Tây giáp đất chia cho anh Đào Thanh L.
- + Nam giáp đất anh Đào Thanh L.
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H1.

- Chia cho anh Đào Thanh L được quyền sử dụng diện tích đất 1.505,2m², một phần thửa đất số 309, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03070 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất chia cho chị Trần Thị Thu V.
- + Tây giáp đất chị Đào Thị Thanh H2, ông Nguyễn Văn H1, anh Đào Thanh L.
- + Nam giáp đất anh Đào Thanh L.
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H1.

- Chia cho chị Trần Thị Thu V được quyền sử dụng diện tích đất 1.153,0 m², một phần thửa đất số 291, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03071 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất chia cho anh Đào Thanh L.
- + Tây giáp đất chị Đào Thị Thanh H2.

+ Nam giáp đất chị Đào Thị Thanh H2.

+ Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H1.

- Chia cho anh Đào Thanh L được quyền sử dụng diện tích đất 1.153,1m², một phần thửa đất số 291, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03071 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đào Thanh L và chị Trần Thị Thu V, đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H1 và anh Đào Thanh L.

+ Tây giáp đất chia cho chị Trần Thị Thu V.

+ Nam giáp đất chia cho chị Trần Thị Thu V.

+ Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H1.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

Chị V và anh L liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Thị Thu V được quyền sở hữu 01 cái tủ gỗ có gắn kính (loại có ngăn để ti vi) và 01 cái bàn gỗ, mặt xi măng (bàn tròn).

- Anh Đào Thanh L được quyền sở hữu nhà cấp 4 bán kiên cố (mã hiệu BKCA3, cột bê tông, vách lá, đòn tay gỗ, mái tôn xi măng, nền đất); 01 chuồng trại (cột xi măng, vách tường, đòn tay kèo gỗ tạp, mái thiết, nền xi măng); 02 hồ nước tròn, tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; 01 cái tủ gỗ (loại để quần áo); 01 máy bơm nước hiệu Dong Feng và giàn sắt gắn máy bơm.

Buộc anh Đào Thanh L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Trần Thị Thu V giá trị chênh lệch tài sản được chia số tiền 14.947.100 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm đồng*).

Chị V và anh L thực hiện việc phân chia quyền sử dụng đất; tài sản và trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về nợ chung:

- Ghi nhận chị Trần Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D 01 (một) chỉ vàng 24kr ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận anh Đào Thanh L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D 01 (một) chỉ vàng 24kr ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

- Chị V phải nộp 5.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.635.119 đồng mà chị V đã nộp theo biên lai số 38971 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên chị V còn phải nộp tiếp 3.064.881 đồng.

- Anh L phải nộp 5.400.000 án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng anh L đã nộp theo biên lai số 40083 ngày 21/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

- Hoàn lại cho ông D tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 39329 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị Ba N1 tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 40090 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

- Hoàn lại cho chị Võ Thị Hồng V1 tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 40084 ngày 28/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 24 tháng 6 năm 2019 có mặt chị Thu V, anh L, chị Hồng V1.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện G;
 - CC THADS huyện G;
 - Các đương sự;
 - Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Ngọc Tuyền